TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-HÀ NỘI ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 964/2026/QĐST- DS V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp*.	*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Biên hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 731/TLST - DS ngày 17 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Trụ sở: Số H, L, Đ, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Văn Đ – Trưởng phòng xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 16 ngày 27/3/2026 của ông Ngô Chí D)

Đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Vũ Ngọc Á- Cán bộ xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 03095/04/2026/KK-VPB ngày 18/4/2026)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Doãn D1, sinh năm 1984; CCCD số: 001084027379 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1988; CCCD số: 001188024132. Đều cư trú tại: Đường N, xã T, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Doãn G, sinh năm 1958; CCCD số: 001058016850 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; CCCD số: 001160023403. Đều cư trú tại: Đường N, xã T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Y, ông G, bà T: Ông Nguyễn Doãn D1, sinh năm 1984; CCCD số: 001084027379; cư trú tại: Đường N, xã T, thành phố Hà Nội

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về dư nợ**: Anh Nguyễn Doãn D1, chị Nguyễn Thị Y còn nợ Ngân hàng V1 tính đến ngày 30/7/2026 là:

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN2301178187417 ký ngày 01/02/2023: Nợ gốc: 799,966,027 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.654.554 đồng; lãi quá hạn: 144.333.255 đồng; lãi chậm trả: 339.122 đồng. Tổng cộng: 947.055.743 đồng.

- Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/05/2021 (Số thẻ: 277-P-4900634): gốc: 27.008.463 đồng. lãi quá hạn: 3.237.215 đồng, phí 398.000 đồng. Tổng cộng: 30.643.678 đồng.

Tổng cộng là: 977.699.421 đồng

2. **Về phương thức trả nợ**: Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày 31/7/2026 đến 30/9/2026, anh D1, chị Y phải trả ngân hàng theo lộ trình cụ thể như sau: Tháng đầu tiên từ ngày 31/7/2026 đến ngày 30/8/2026 anh D1, chị Y phải trả cho Ngân hàng số tiền 194.000.000 đồng (số tiền ngày được trừ vào nợ gốc); tháng thứ 2 đến ngày 30/9/2026, anh D1, chị Y phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc lãi còn lại.

Kể từ ngày 31/7/2026, anh D1, chị Y vẫn phải chịu lãi phát trên dư nợ gốc thực tế đối với số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Trong trường hợp anh D1, chị Y vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BR 464087, Số vào sổ cấp GCN: 1240.QĐUBND.2014/CH.00049.2014 do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/05/2014, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 3(2) Tờ bản đồ số: 31

- Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã X, huyện Đ, Hà Nội

4. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Nguyễn Doãn D1 và bà Nguyễn Thị Y vẫn phải tiếp tục trả nợ gốc lãi còn lại cho V1 cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Tổng số tiền án phí là **41.330.000** đồng. Do các bên thỏa thuận được nên chỉ phải chịu ½ = **20.665.000** đồng. Ông Nguyễn Doãn D1 và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu cả toàn bộ số tiền án phí. V1 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **18.850.000** đồng theo biên lai thu số BLTU/25E/0014038 ngày 11/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 7-Hà Nội;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *TAND TP Hà Nội ;*
- *THADS Tp HÀ Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án.*

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng